

Số: 92 /CT-INC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2021

Về việc công bố thông tin
báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên Công ty: **Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO**
 - Mã chứng khoán: **INC**
 - Địa chỉ trụ sở: Số 100 Đường Nguyễn Gia Trí, P25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại: 0283 8995588 Fax: 0283 8995588
 - Người thực hiện công bố thông tin: **Lại Văn Hoàn** - Chức vụ: Kế toán trưởng
 - Loại công bố thông tin: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
 - Nội dung công bố thông tin:
 - + Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, bao gồm Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính được lập ngày 17/03/2021.
 - + Nội dung giải trình lợi nhuận sau thuế năm 2020 biến động trên 10% so với năm 2019.
 - Thông tin trên được đăng tải tại Website: idico-incon.com.vn (mục quan hệ cổ đông)
- Tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TCKT, VPTH.

NGƯỜI ỦY QUYỀN CBTT

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lại Văn Hoàn



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO (IDICO - INCON) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO (IDICO - INCON) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Đầu tư IDICO, là doanh nghiệp thành viên của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam (nay là Tổng Công ty IDICO – CTCP).

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304843611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/01/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18/02/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 10 ngày 18/02/2020 là 20.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO Investment Consultancy Joint Stock Company.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO – INCON.

Trụ sở chính của Công ty tại số 100, đường Nguyễn Gia Trí, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu của Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là INC.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

Hội đồng Quản trị	Ông Hoàng Văn Hiến	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên
	Ông Nguyễn Đức Tiến	Thành viên độc lập
	Ông Mai Quốc Chinh	Thành viên
	Ông Phan Công Nhân	Thành viên
Ban Kiểm soát	Bà Vũ Thị Thùy Phương	Trưởng Ban
	Ông Nguyễn Trọng Thọ	Thành viên
	Bà Phan Thị Thanh Tâm	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Giám đốc
	Ông Đàm Văn Kiên	Phó Giám đốc
	Ông Tạ Văn Lợi	Phó Giám đốc
	Ông Phạm Lâm Sơn	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12 /2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Khánh
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2021

Số: 88/2021/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO

Kính gửi: **Các Cổ đông**
 Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
 Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO, được lập ngày 17/3/2021, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh:

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số 5.14 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính. Công ty thực hiện chia cổ tức bằng tiền mặt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 04/NQ-CT ngày 11/6/2020 với tỷ lệ 15%/vốn điều lệ tương ứng với giá trị 3.000.000.000 VND. Do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2019 là 1.957.991.110 VND và Nghị quyết số 04/NQ-CT ngày 11/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 không trình bày rõ các nguồn sử dụng để chia cổ tức, theo đó, Hội đồng Quản trị đã quyết định: (i) Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 là 1.600.000.000 VND và (ii) Hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển vào lợi nhuận sau thuế 1.400.000.000 VND để đảm bảo nguồn chia cổ tức. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nêu trên.



Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2021

Lưu Minh Tới**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2017-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		30.634.086.570	29.906.026.753
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.291.808.359	2.506.407.865
1. Tiền	111		1.291.808.359	1.506.407.865
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	1.000.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.853.155.600	11.943.238.651
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	11.014.897.999	12.307.851.089
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		408.000.000	540.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	606.215.349	653.737.236
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.4	(1.175.957.748)	(1.558.349.674)
IV- Hàng tồn kho	140	5.5	16.399.751.282	15.437.143.874
1. Hàng tồn kho	141		16.399.751.282	15.489.340.874
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(52.197.000)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		89.371.329	19.236.363
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	25.329.546	19.236.363
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.11	64.041.783	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		7.792.408.805	8.284.052.867
II Tài sản cố định	220		7.792.408.805	8.264.328.459
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	5.389.100.805	5.847.476.987
- Nguyên giá	222		8.691.670.327	10.391.366.538
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.302.569.522)	(4.543.889.551)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	2.403.308.000	2.416.851.472
- Nguyên giá	228		4.865.783.400	4.865.783.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.462.475.400)	(2.448.931.928)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		-	19.724.408
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	-	19.724.408
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		38.426.495.375	38.190.079.620

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		12.837.824.578	11.495.805.324
I- Nợ ngắn hạn	310		12.837.824.578	11.495.805.324
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	1.482.931.227	1.286.854.585
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	3.696.977.966	3.618.826.559
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	860.017.568	1.118.468.855
4. Phải trả người lao động	314		2.699.120.000	1.890.280.000
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	329.545.455
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	2.395.087.412	1.407.226.075
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	-	340.314.500
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.703.690.405	1.504.289.295
II- Nợ dài hạn	330		-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		25.588.670.797	26.694.274.296
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	25.588.670.797	26.694.274.296
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		248.050.000	248.050.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.445.581.609	1.445.581.609
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.642.651.577	3.042.651.577
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.252.387.611	1.957.991.110
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kì này	421b		2.252.387.611	1.957.991.110
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		38.426.495.375	38.190.079.620

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc









Phạm Thị Loan

Lại Văn Hoàn

Nguyễn Ngọc Khánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	24.091.691.752	20.697.018.624
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		24.091.691.752	20.697.018.624
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	14.892.629.129	10.827.244.944
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		9.199.062.623	9.869.773.680
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	44.890.455	92.919.330
7. Chi phí tài chính	22	5.19	10.654.829	92.101.716
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.654.829	92.101.716
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.20	6.567.189.549	7.289.545.903
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		2.666.108.700	2.581.045.391
11. Thu nhập khác	31		73.779.703	-
12. Chi phí khác	32		55.647.600	48.711.878
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.21	18.132.103	(48.711.878)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		2.684.240.803	2.532.333.513
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	431.853.192	574.342.403
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.252.387.611	1.957.991.110
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	1.126,19	800,00

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

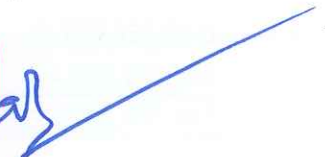
Giám đốc



Phạm Thị Loan



Lại Văn Hoàn

Nguyễn Ngọc Khánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.684.240.803	2.532.333.513
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	547.550.472	558.190.000
- Các khoản dự phòng	03	(434.588.926)	(153.174.000)
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(83.703.091)	(92.919.330)
- Chi phí lãi vay	06	10.654.829	92.101.716
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	2.724.154.087	2.936.531.899
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.472.474.977	(1.635.057.175)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(910.410.408)	(1.687.765.041)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	718.539.242	713.171.305
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	13.631.225	25.805.138
- Tiền lãi vay đã trả	14	(10.654.829)	(92.101.716)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(718.977.823)	(579.779.324)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(158.590.000)	(229.060.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>3.130.166.471</i>	<i>(548.254.914)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(78.181.818)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	41.363.636	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	44.890.455	92.919.330
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>8.072.273</i>	<i>92.919.330</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(340.314.500)	(859.685.500)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.012.523.750)	(483.803.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(2.352.838.250)</i>	<i>(1.343.488.500)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50	<i>785.400.494</i>	<i>(1.798.824.084)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.506.407.865	4.305.231.949
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	3.291.808.359	2.506.407.865

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc









Phạm Thị Loan

Lại Văn Hoàn

Nguyễn Ngọc Khánh

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO (IDICO-INCON) được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn đầu tư IDICO, là doanh nghiệp thành viên của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam (nay là Tổng công ty IDICO – CTCP).

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304843611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/01/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18/02/2020.

Cổ phiếu của Công ty đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là INC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 10 ngày 18/02/2020 là 20.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO Investment Consultancy Joint Stock Company.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO – INCON.

Trụ sở chính của Công ty tại số 100, đường Nguyễn Gia Trí, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số lao động bình quân của Công ty năm 2020 là: 59 người (năm 2019 là : 57 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Tư vấn quản lý thực hiện các dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông, nông nghiệp.
- Tư vấn đấu thầu về xây lắp, cung cấp vật tư và mua sắm máy móc thiết bị.
- Lập và thẩm tra dự án đầu tư xây dựng, thẩm tra thiết kế, dự toán và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, nông nghiệp, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp.
- Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp.
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp.
- Thiết kế công trình kỹ thuật và đô thị.
- Thiết kế quy hoạch xây dựng công trình.
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện, lắp đặt phần điện và thiết bị điện công trình.
- Khảo sát địa hình, khảo sát địa chất.
- Thiết kế kết cấu công trình giao thông.
- Giám sát thi công công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện.
- Đánh giá tác động môi trường
- Thiết kế kiến trúc công trình
- Thiết kế nội ngoại thất công trình
- Thẩm tra an toàn giao thông đường bộ
- Lập báo cáo đầu tư (nghiên cứu tiền khả thi và khả thi): giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp.
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật (hệ thống cấp nước, thoát nước, môi trường đô thị và khu công nghiệp)
- Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình dân dụng và giao thông

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Xây dựng Công trình dân dụng khác.
Chi tiết:
 - + Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc các dự án thử nghiệm công nghệ mới hoặc thuộc các đề tài nghiên cứu khoa học, cải tạo, duy tu, trùng tu các công trình văn hóa và bảo tồn lịch sử.
 - + Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông, nông nghiệp.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư xây dựng, kinh doanh phát triển nhà, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị.
- Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ khác chưa được phân đầu vào đầu. Chi tiết: thí nghiệm các loại vật liệu xây dựng và cơ học đất. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: kiểm định chất lượng vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị, kiểm định chất lượng các công trình xây dựng; Chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng.
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm Khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Khai thác, nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ.
- Hoàn thiện công trình xây dựng. Chi tiết: thi công trang trí nội ngoại thất công trình.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là thiết kế, giám sát, khảo sát thiết kế, khảo sát thi công, lập Báo cáo, dự án...

1.2 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản Tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, tiền gửi có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: là khoản dự phòng khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá trị ghi sổ của hàng tồn kho. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 28/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 45/2015/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/TT-BTC ngày 13/10/2016.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ... Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình là Thương hiệu có nguyên giá ban đầu 2.000.000.000 đồng là giá trị thương hiệu IDICO được hạch toán theo Quyết định giá trị doanh nghiệp số 1291/QĐ-BXD ngày 14/9/2006 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa của Công ty Tư vấn Đầu tư IDICO.

TSCĐ vô hình là Phần mềm máy tính được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2020 (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị dụng cụ quản lý	05

Thương hiệu được tính hao mòn trong thời gian 10 năm, kể từ năm 2007. Việc ghi nhận trên có khác biệt so với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất không có thời hạn tại số G14, đường D2, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh có nguyên giá ban đầu là 2.389.054.000 đồng. Tài sản cố định là quyền sử dụng đất không thời hạn nên không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 5 năm đến 8 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc kế toán Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Vay và nợ phải trả thuê tài chính (Tiếp theo)

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế.
- Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty được giảm 30% thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 theo Nghị Quyết số 116/2020/NQ-CP ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác và Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/NQ-CP ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực thiết kế, giám sát, khảo sát thiết kế, khảo sát thi công, lập Báo cáo, dự án tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	30.747.716	32.041.477
Tiền gửi ngân hàng	1.261.060.643	1.474.366.388
Các khoản tương đương tiền (*)	2.000.000.000	1.000.000.000
Tổng	3.291.808.359	2.506.407.865

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh có kỳ hạn 1 tháng, lãi suất từ 3% - 3,7%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Bình Tiên	2.922.390.182	-
Ban Quản lý Dự án huyện Đức Linh	525.341.200	647.256.200
Tổng Công ty IDICO - CTCP	2.746.151.493	2.600.535.801
Chi nhánh Tổng Công ty IDICO - CTCP tại Miền Đông	90.000.000	90.000.000
Công ty TNHH Đầu Tư Quốc lộ 1 Tiền Giang	1.308.211.699	1.308.211.699
Phải thu đối tượng khác	3.422.803.425	7.661.847.389
Tổng	11.014.897.999	12.307.851.089
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 6.2)	3.190.424.320	3.268.093.751

5.3 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Công ty Cổ phần Kiểm định xây dựng An Hòa	102.331.466	102.331.466	102.331.466	102.331.466
Phải thu các đội thi công công trình	359.069.572	359.069.572	389.069.572	389.069.572
Tạm ứng	114.204.500	-	159.701.399	-
Phải thu tiền Bảo hiểm xã hội nộp dư	30.609.811	-	2.634.799	-
Tổng	606.215.349	461.401.038	653.737.236	491.401.038

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5.4 Nợ xấu*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	2.126.283.737	950.325.989	1.596.378.074	38.028.400

Trong đó:

	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm		Quá hạn 3 năm	
Công Ty TNHH Đầu Tư Quốc lộ 1 Tiền Giang			1.308.211.699	-
Nguyễn Trúc Nghĩa			-	261.148.157
Đinh Thị Liên			-	220.000.000
Các khách hàng khác			-	336.923.881

5.5 Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	32.043.716	-	22.827.528	-
Chi phí SX KDDD	16.367.707.566	-	15.466.513.346	(52.197.000)
Tổng	16.399.751.282	-	15.489.340.874	(52.197.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5.6 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2020	4.927.824.662	2.294.510.897	2.953.892.336	215.138.643	10.391.366.538
Tăng trong năm	-	-	-	78.181.818	78.181.818
Mua trong năm	-	-	-	78.181.818	78.181.818
Giảm trong năm	-	1.777.878.029	-	-	1.777.878.029
Thanh lý	-	1.777.878.029	-	-	1.777.878.029
Số dư tại ngày 31/12/2020	4.927.824.662	516.632.868	2.953.892.336	293.320.461	8.691.670.327
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2020	739.170.973	2.284.270.897	1.305.309.038	215.138.643	4.543.889.551
Tăng trong năm	197.112.000	7.689.000	316.176.000	13.030.000	534.007.000
Khấu hao trong năm	197.112.000	7.689.000	316.176.000	13.030.000	534.007.000
Giảm trong năm	-	1.775.327.029	-	-	1.775.327.029
Thanh lý nhượng bán	-	1.775.327.029	-	-	1.775.327.029
Số dư tại ngày 31/12/2020	936.282.973	516.632.868	1.621.485.038	228.168.643	3.302.569.522
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2020	4.188.653.689	10.240.000	1.648.583.298	-	5.847.476.987
Tại ngày 31/12/2020	3.991.541.689	-	1.332.407.298	65.151.818	5.389.100.805

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 với giá trị là 940.216.097 VND (tại ngày 31/12/2019: 2.346.444.126 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình chờ thanh lý tại ngày 31/12/2020 với giá trị 0 VND (tại ngày 31/12/2019: 310.150.000 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2020 là 3.991.540.689 VND (tại ngày 31/12/2019: 4.188.652.689 VND).

5.7 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2020	2.389.054.000	476.729.400	2.000.000.000	4.865.783.400
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	2.389.054.000	476.729.400	2.000.000.000	4.865.783.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2020	-	448.931.928	2.000.000.000	2.448.931.928
Tăng trong năm	-	13.543.472	-	13.543.472
Khấu hao trong năm	-	13.543.472	-	13.543.472
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	-	462.475.400	2.000.000.000	2.462.475.400
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2020	2.389.054.000	27.797.472	-	2.416.851.472
Tại ngày 31/12/2020	2.389.054.000	14.254.000	-	2.403.308.000

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2020 là 2.389.054.000 VND (tại ngày 31/12/2019 là 2.389.054.000 VND).

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Ngắn hạn	25.329.546	19.236.363
- Chi phí còn phân bổ	25.329.546	19.236.363
b) Dài hạn	-	19.724.408
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	19.724.408
Tổng	25.329.546	38.960.771

5.9 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 2	251.250.000	251.250.000	251.250.000	251.250.000
Công ty TNHH kiến trúc ORI	426.818.182	426.818.182	-	-
Công ty Cổ phần thiết kế và Xây dựng Rạng Đông	242.950.909	242.950.909	-	-
Công ty TNHH tư vấn đầu tư Xây dựng Tân Việt Phát	311.827.364	311.827.364	-	-
Công ty Cổ phần tổng hợp Xây dựng Tuấn Phát	165.454.545	165.454.545	-	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Phúc Tín	-	-	513.636.364	513.636.364
Công ty Cổ phần Tư vấn kỹ thuật XD đô thị Liên Thành	-	-	286.363.636	286.363.636
Các đối tượng khác	84.630.227	84.630.227	235.604.585	235.604.585
Tổng	1.482.931.227	1.482.931.227	1.286.854.585	1.286.854.585

Trong đó:

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 2	251.250.000	251.250.000	251.250.000	251.250.000
Các đối tượng khác	24.615.000	24.615.000	26.959.693	26.959.693
Tổng	275.865.000	275.865.000	278.209.693	278.209.693

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09-DN

5.10 Người mua trả tiền trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần DK ĐTKT cảng Phước An	552.000.000	-
Công ty Cổ phần KCN Thành Thành Công	519.943.000	328.332.000
Tổng Công ty IDICO - CTCP	951.437.333	511.686.514
BQL Dự án phát triển hạ tầng các KCN tỉnh Bến	813.923.715	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Bình Tiên	-	500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng KCN Hoa Sen	-	667.800.000
Du Long		
Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Long An	58.000.000	364.570.000
Các đối tượng khác	801.673.918	1.246.438.045
Tổng	3.696.977.966	3.618.826.559

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số phải trả 01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số phải trả 31/12/2020
Phải nộp	1.118.468.855	2.612.472.041	2.870.923.328	860.017.568
Thuế giá trị gia tăng	742.440.686	1.823.879.800	1.775.120.618	791.199.868
Thuế thu nhập doanh nghiệp	223.082.848	431.853.192	654.936.040	-
Thuế thu nhập cá nhân	101.578.700	405.105.670	437.866.670	68.817.700
Các loại thuế khác (*)	51.366.621	(48.366.621)	3.000.000	-
	Số phải thu 01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số phải thu 31/12/2020
Phải thu	-	-	64.041.783	64.041.783
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-	64.041.783	64.041.783

(*) Điều chỉnh giảm tiền thuế chậm nộp các năm trước trích thừa.

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	58.699.575	26.997.500
Bảo hiểm thất nghiệp	-	79.988
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.157.188.337	1.169.712.087
Các khoản phải trả, phải nộp khác	179.199.500	210.436.500
Tổng	2.395.087.412	1.407.226.075

5.13 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		Trong năm		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	340.314.500	340.314.500	340.314.500
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)	-	-	-	340.314.500	340.314.500	340.314.500
b) Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tổng	-	-	-	340.314.500	340.314.500	340.314.500

(*) Công ty vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 02/2015/3158000/HĐTĐ ngày 7/8/2015. Số tiền vay: 4.200.000.000 VND. Mục đích sử dụng tiền vay: xây dựng mới công trình "Tòa nhà văn phòng IDICO-INCON" tại G14, đường D2, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh (nay là số 100, đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh). Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150%/tháng đối với số tiền trả chậm. Tài sản thế chấp là tòa nhà văn phòng tại số G14 đường D2, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh (nay là số 100, đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh) gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00130 ngày 13/9/2007 và công trình tòa nhà trên đất với tổng giá trị còn lại của tài sản thế chấp tại ngày 31/12/2020 là 6.380.595.689 VND (tại ngày 31/12/2019 là 6.577.706.689 VND).

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2019	20.000.000.000	248.050.000	1.445.581.609	3.042.651.577	2.081.351.567	26.817.634.753
Tăng trong năm	-	-	-	-	1.957.991.110	1.957.991.110
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	1.957.991.110	1.957.991.110
Giảm trong năm	-	-	-	-	2.081.351.567	2.081.351.567
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	481.351.567	481.351.567
Chia cổ tức	-	-	-	-	1.600.000.000	1.600.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2019	20.000.000.000	248.050.000	1.445.581.609	3.042.651.577	1.957.991.110	26.694.274.296
Số dư tại ngày 01/01/2020	20.000.000.000	248.050.000	1.445.581.609	3.042.651.577	1.957.991.110	26.694.274.296
Tăng trong năm	-	-	-	-	3.652.387.611	3.652.387.611
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	2.252.387.611	2.252.387.611
Tăng từ Quỹ đầu tư phát triển (ii)	-	-	-	-	1.400.000.000	1.400.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	1.400.000.000	3.357.991.110	4.757.991.110
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng BDH (i)	-	-	-	-	357.991.110	357.991.110
Hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển về Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (ii)	-	-	-	1.400.000.000	-	1.400.000.000
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2020	20.000.000.000	248.050.000	1.445.581.609	1.642.651.577	2.252.387.611	25.588.670.797

(i) Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 11/6/2020 việc phân phối lợi nhuận năm 2019, chia cổ tức 15% vốn điều lệ, trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và Ban điều hành 18% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09-DN

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

- (ii) Công ty thực hiện chia cổ tức bằng tiền mặt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 04/NQ-CT ngày 11/6/2020 với tỷ lệ 15%/vốn điều lệ tương ứng với giá trị 3.000.000.000 VND. Do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2019 là 1.957.991.110 VND và Nghị quyết số 04/NQ-CT ngày 11/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 không trình bày rõ các nguồn sử dụng để chia cổ tức, theo đó, Hội đồng Quản trị đã quyết định: (i) Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 là 1.600.000.000 VND và (ii) Hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển vào lợi nhuận sau thuế 1.400.000.000 VND để đảm bảo nguồn chia cổ tức.

b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

Đối tượng	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá		Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá	
			VND	Tỷ lệ		VND	Tỷ lệ
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO	10%	200.000	2.000.000.000	10%	200.000	2.000.000.000	
Tổng công ty IDICO - CTCP	60%	1.208.000	12.080.000.000	60%	1.208.000	12.080.000.000	
Ông Nguyễn Trọng Thao	5%	101.200	1.012.000.000	5%	101.200	1.012.000.000	
Vốn góp của đối tượng khác	25%	490.800	4.908.000.000	25%	490.800	4.908.000.000	
Tổng	100%	2.000.000	20.000.000.000	100%	2.000.000	20.000.000.000	

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	20.000.000.000	20.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.000.000.000	1.600.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	357.991.110	481.351.567

d. Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.642.651.577	3.042.651.577
Tổng	1.642.651.577	3.042.651.577

5.15 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý		
BQL dự án T30 CA.TP.Hồ Chí Minh	11.502.000	-
BQL DA ĐTXD công trình DD & CN tỉnh Hậu Giang	158.617.000	-
Tổng công ty Tư vấn thiết kế Dầu Khí	219.365.100	-
Công ty CP ĐTXD và Du lịch IDICO	213.052.000	-
Viện Thiết kế Trường học	5.234.000	-
Tổng	607.770.100	-

5.16 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.091.691.752	20.697.018.624
Tổng	24.091.691.752	20.697.018.624

5.17 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.892.629.129	10.827.244.944
Tổng	14.892.629.129	10.827.244.944

5.18 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	44.890.455	92.919.330
Tổng	44.890.455	92.919.330

5.19 Chi phí tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	10.654.829	92.101.716
Tổng	10.654.829	92.101.716

5.20 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.556.163.000	5.081.246.000
Chi phí vật liệu quản lý	14.828.800	28.887.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	78.553.956
Chi phí khấu hao TSCĐ	547.550.472	558.190.000
Thuế phí và lệ phí	-	65.165.659
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng	169.730.574	(153.174.000)
Chi phí bằng tiền khác	1.278.916.703	1.630.677.288
Tổng	6.567.189.549	7.289.545.903

5.21 Lợi nhuận khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	38.812.636	-
Các khoản khác	34.967.067	-
Tổng	73.779.703	-
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	-	48.711.878
Các khoản khác	55.647.600	-
Tổng	55.647.600	48.711.878
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	18.132.103	(48.711.878)

5.22 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.684.240.803	2.532.333.513
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	400.424.864	199.421.878
Thù lao của Hội đồng Quản trị không trực tiếp điều hành	108.000.000	95.000.000
Các khoản bị phạt	-	48.711.878
Chi phí không được trừ	292.424.864	55.710.000
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	-	101.214.092
Điều chỉnh thuế TNDN truy thu theo QĐ xử phạt vi phạm hành chính về thuế số 3921 ngày 27/7/2019 của cục thuế TP.HCM	-	101.214.092
Thu nhập chịu thuế	3.084.665.667	2.630.541.299
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	616.933.132	526.108.260
Điều chỉnh giảm 30% thuế TNDN theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP	185.079.940	-
Điều chỉnh thuế TNDN truy thu các năm trước	-	48.234.143
Thuế TNDN hiện hành	431.853.192	574.342.403

5.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.252.387.611	1.957.991.110
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng HĐQT, Ban kiểm soát và ban điều hành (ii)	-	(357.991.110)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.252.387.611	1.600.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (i)	1.126,19	800,00

- (i) Công ty chưa tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2020. Khi có Nghị quyết chính thức của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 về việc phân phối lợi nhuận cho năm tài chính 2020, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 có thể bị thay đổi.
- (ii) Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2019 của Công ty đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm 2020. Theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được trình bày lại như sau:

	Năm 2019	
	Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.957.991.110	1.957.991.110
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng HĐQT, Ban kiểm soát và ban điều hành	-	(357.991.110)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.957.991.110	1.600.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	979,00	800,00

5.24 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	714.974.850	961.956.944
Chi phí nhân công	14.836.124.000	14.365.166.231
Chi phí khấu hao tài sản cố định	547.550.472	558.190.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.790.836.922	2.502.989.964
Chi phí khác bằng tiền	1.530.314.563	1.774.398.603
Tổng	22.419.800.807	20.162.701.742

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tên viết tắt
Tổng công ty IDICO - CTCP	Đơn vị cùng IDICO	IDICO
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - MCI
Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - UDICO
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - LINCO
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - CONAC
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - INCO 10
Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và KCN IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - URBIZ
Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - SHP
Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - IDI
Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - ICC
Công ty cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và KCN Quế Võ IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - QUE VO
Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Thái Bình IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - TCC
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	Đơn vị cùng IDICO	LAMA IDICO
Chi nhánh Tổng Công ty IDICO - CTCP tại Miền Đông	Chi nhánh thuộc IDICO	IDICO - IEB

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a. Thu nhập của nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND (Trình bày lại)
Thù lao Hội đồng Quản trị và các lợi ích khác		165.334.000	176.445.000
Hoàng Văn Hiến	Chủ tịch	69.334.000	80.445.000
Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Nguyễn Đức Tiến	Thành viên độc lập	24.000.000	24.000.000
Phan Công Nhân	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Mai Quốc Chính	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Thù lao Ban Kiểm soát		48.000.000	48.000.000
Vũ Thị Thùy Phương	Trưởng Ban	24.000.000	24.000.000
Nguyễn Trọng Thọ	Thành viên	12.000.000	12.000.000
Phan Thị Thanh Tâm	Thành viên	12.000.000	12.000.000
Thù lao Thư ký		12.000.000	12.000.000
Nguyễn Thị Phương Dung	Thư ký	12.000.000	12.000.000
Lương, thưởng Ban Giám đốc		2.198.579.000	2.153.095.000
Nguyễn Ngọc Khánh	Giám đốc	610.587.000	603.877.000
Đàm Văn Kiên	Phó Giám đốc	534.626.000	527.639.000
Tạ Văn Lợi	Phó Giám đốc	542.443.000	537.593.000
Phạm Lâm Sơn	Phó Giám đốc	510.923.000	483.986.000
Kế toán trưởng		317.284.000	167.908.000
Lại Văn Hoàn	Kế toán trưởng kiêm Người được ủy quyền công bố thông tin	317.284.000	167.908.000

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2020 VND	Năm 2019
			VND (Trình bày lại)
Giao dịch bán			
IDICO - IDI	Cung cấp dịch vụ	201.570.204	1.068.012.550
IDICO - ICC	Cung cấp dịch vụ	285.454.545	-
IDICO - URBIZ	Cung cấp dịch vụ	885.752.727	2.185.279.091
IDICO	Cung cấp dịch vụ	2.931.168.616	4.268.455.904
IDICO - IEB	Cung cấp dịch vụ	81.818.182	81.818.182
IDICO - UDICO	Cung cấp dịch vụ	-	49.010.182
LAMA IDICO	Cung cấp dịch vụ	-	166.000.000
IDICO - QUE VO	Cung cấp dịch vụ	246.542.182	-
Tổng		4.632.306.456	7.818.575.909

c. Số dư với bên liên quan

Bên liên quan	31/12/2020 VND	31/12/2019
		VND (Trình bày lại)
Số dư phải thu khách hàng		
IDICO - IDI	167.545.427	553.115.950
IDICO - QUE VO	162.285.400	-
IDICO	2.746.151.493	2.600.535.801
IDICO - IEB	90.000.000	90.000.000
IDICO - URBIZ	24.442.000	24.442.000
Tổng	3.190.424.320	3.268.093.751

Bên liên quan		31/12/2020 VND	31/12/2019
			VND (Trình bày lại)
Người mua trả tiền trước			
IDICO - IDI	Đơn vị cùng IDICO	-	389.184.753
IDICO - QUE VO	Đơn vị cùng IDICO	158.449.000	237.360.000
IDICO	Công ty mẹ	951.437.333	511.686.514
IDICO - UDICO	Đơn vị cùng IDICO	97.000.000	97.000.000
IDICO - URBIZ	Đơn vị cùng IDICO	130.725.000	261.208.000
Tổng		1.337.611.333	1.496.439.267
Phải trả khác			
IDICO	Đơn vị cùng IDICO	1.812.000.000	966.400.000
IDICO - URBIZ	Đơn vị cùng IDICO	300.000.000	-

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.291.808.359	2.506.407.865
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.330.951.100	11.243.537.252
Tổng	13.622.759.459	13.749.945.117
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	340.314.500
Phải trả người bán và phải trả khác	3.878.018.639	2.694.080.660
Tổng	3.878.018.639	3.034.395.160

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2020			
Phải trả người bán và phải trả khác	3.878.018.639	-	3.878.018.639
Các khoản vay	-	-	-
Tổng	3.878.018.639	-	3.878.018.639
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2020			
Phải trả người bán và phải trả khác	2.694.080.660	-	2.694.080.660
Các khoản vay	340.314.500	-	340.314.500
Tổng	3.034.395.160	-	3.034.395.160

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.291.808.359	-	3.291.808.359
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.330.951.100	-	10.330.951.100
Tổng	13.622.759.459	-	13.622.759.459
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.506.407.865	-	2.506.407.865
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.243.537.252	-	11.243.537.252
Tổng	13.749.945.117	-	13.749.945.117

6.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Người lập

Phạm Thị Loan

Kế toán trưởng

Lại Văn Hoàn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2021

Giám đốc



Nguyễn Ngọc Khánh



Starting our operation from 2004 up to now, CPA VIETNAM is always proud to be one of the independent auditing companies with a reputable brand name trusted by many customers in the field of auditing and accounting in Vietnam. Our the goal is that through the professional provision of specialized services, we will help our customers to innovate their internal management system and promote their potentials to create outstanding values. That is the greatest success for our the sustainable and prosperous development. CPA VIETNAM will continue to maintain our brand name in the future.

www.cpavietnam.vn



Building a world class accounting alliance takes time - since 1989, INPACT has grown steadily and has carefully selected each and every member firm. All of our members pass through a rigorous selection process that ensures stringent criteria related to range of services, local reputation and approach to providing services can be met. We only admit firms which can prove they know their local jurisdiction like the back of their hand and which have experience of handling matters that have international dimensions. Our members embrace a service culture that emphasises personal service, rapid response times, reliability and innovative thinking.

www.inpactglobal.org